

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 - 4 - 2021.  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bích Ly;

Ông Lý Thanh Chiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T; Cư trú: Số 8, ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Út T; Cư trú: Ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị Út T tổ chức đám cưới vào năm 2012 và đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Thời gian đầu anh chị sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, anh T cũng không biết chị Út T ở đâu và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

đã tuyên bố chị Út T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2020/QĐST-DS ngày 09/11/2020.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 người con chung tên là Trần Nguyễn Ngân K, sinh ngày 16/9/2012, hiện nay đang sống chung với anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Út T;

- Về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Ngân K, sinh ngày 16/9/2012, không yêu cầu chị Út T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Út T:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn không có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án triệu tập họp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2] Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì

vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Út T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46, quyển số 01/2013 ngày 07 tháng 02 năm 2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn anh T và chị T chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, anh T và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị T đã bỏ địa phương đi từ năm 2017 cho đến nay không có tin tức. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 09/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 tuyên bố chị T đã mất tích. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị T có 01 con chung Trần Nguyễn Ngân K, sinh ngày 16/9/2012, hiện nay cháu K đang sống chung với anh T, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị T bỏ nhà đi cho đến nay cháu K do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc gần gũi với anh T, về mặt tình cảm thì cháu K gần bó và yêu mến anh T nhiều hơn chị T, Tòa án có ghi ý kiến cháu K, cháu có nguyện vọng sống chung với anh T, hơn nữa chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Trần Nguyễn Ngân K, sinh ngày 16/9/2012, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến con đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T là người không trực tiếp nuôi con, nên chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Út T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Nguyễn Ngân K, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006242 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng P;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**